

# THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KHẢ NĂNG TIỀN ĐỌC VIẾT CHO TRẺ 5-6 TUỔI QUA TRẢI NGHIỆM TẠI CÁC TRƯỜNG MẦM NON THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

**Đặng Thị Ngọc Phượng<sup>+</sup>,**  
**Ngô Thị Bích Ngọc**

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế  
*+Tác giả liên hệ • Email: dangthingocphuong@dhsphue.edu.vn*

## Article history

Received: 02/12/2023

Accepted: 28/12/2023

Published: 20/02/2024

## Keywords

Current situation, pre-literacy ability, experience, 5-6 years old children, Hue city

## ABSTRACT

Developing pre-reading and pre-writing capacities for 5-6 year old children is one of the important educational objectives in kindergartens, helping children develop comprehensively and especially preparing them for elementary school education. This content needs to be implemented regularly and integrated into different activities at preschools, especially through experiences. This study focuses on examining the current situation of developing pre-literacy abilities for 5-6 year old children through experiences at preschools in Hue city, Thua Thien Hue province. The research results are a practical basis to propose measures to improve the effectiveness of organizing the process of developing pre-literacy abilities for 5-6 year old children in preschools through experiences.

## 1. Mở đầu

Mầm non (MN) là bậc học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân, đặt nền móng cho sự phát triển toàn diện nhân cách của con người. Để tạo ra những con người mới xã hội chủ nghĩa, ngay từ lứa tuổi này, giáo dục mầm non (GDMN) hướng đến mục tiêu: “*giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ; hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm - sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời*” (Bộ GD-ĐT, 2021, tr 1).

“Tiền đọc, viết” là khái niệm dùng để mô tả hành vi khi trẻ sử dụng sách và tài liệu, dụng cụ đọc, viết để bắt chước các hoạt động đọc và viết. Đây là một tập hợp các kỹ năng của quy trình phát triển tạo tiền đề giúp trẻ học đọc, học viết thành công ở trường phổ thông. Barratt-Pugh và Rohl (2001) còn cho rằng, đọc, viết và ngôn ngữ nói phát triển có mối liên quan. Nhà trường, gia đình và cộng đồng cần quan tâm đến kiến thức hoặc sự hiểu biết về đọc và viết cho trẻ trước khi chính thức đi học. Vì vậy, khả năng biết đọc, biết viết là một trong những yếu tố quan trọng trong năng lực của mỗi trẻ khi bước vào bậc học phổ thông; là cơ sở để trẻ sinh lĩnh hội tri thức, trưởng thành trong học vấn và kỹ năng sống.

“*Khả năng tiền đọc viết (KNTĐV) được coi như là sự cố gắng, nỗ lực đầu tiên của trẻ trong việc học đọc, học viết. Có thể chỉ là những nét vẽ nguệch ngoạc, những bài tô, viết chữ theo mẫu, sao chép chữ, tên... nhưng chúng mang ý nghĩa đặc biệt với trẻ nhỏ*” (Nguyễn Thị Thu Hà, 2021, tr 68), “*là một quá trình trẻ xây dựng các khái niệm, chức năng của các biểu tượng, ký hiệu thông qua hoạt động thực hành, trải nghiệm (TN) và tiếp xúc với môi trường xung quanh, môi trường xã hội, sự tương tác với người lớn với các ấn phẩm như sách, báo, tạp chí... Từ đó, trẻ có thể đọc, có thể sử dụng chữ viết, ký hiệu, tranh ảnh diễn đạt ý nghĩa điều trẻ mong muốn*” (Nguyễn Thị Hải Thanh, 2017, tr 46). Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng KNTĐV là khởi đầu cho việc đọc, viết trước khi trẻ 5-6 tuổi có thể đọc và viết một cách thực thụ. Khả năng đọc, viết là nền tảng quan trọng cho sự phát triển các năng lực học tập của trẻ sau này, giúp trẻ có nhiều thuận lợi hơn trong lĩnh hội các kiến thức.

Dựa vào vai trò của KNTĐV đối với trẻ 5-6 tuổi, phát triển KNTĐV được xác định là nhiệm vụ quan trọng nhất trong tất cả các nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ toàn diện cho trẻ lứa tuổi này. Trong đó, TN có thể xem là hình thức tối ưu nhằm phát triển KNTĐV cho trẻ 5-6 tuổi. “*TN là quá trình cá nhân được tham dự hay tiếp xúc, tương tác trực tiếp, được chiêm nghiệm, tự tích lũy kiến thức, kỹ năng, thái độ tạo thành kinh nghiệm riêng của bản thân*” (Hoàng Thị Phương và cộng sự, 2018, tr 8). Theo Dewey (1990), kinh nghiệm cá nhân bao gồm hai nhân tố: hoạt động TN và kết quả thu được qua TN. Hai nhân tố này kết hợp với nhau theo một hình thức đặc biệt, trở thành kinh nghiệm

của cá nhân. Kinh nghiệm mà trẻ tiếp thu được qua TN không chỉ là kiến thức, mà còn là kỹ năng hoạt động với các đối tượng và kỹ năng tương tác với người khác, qua đó sẽ để lại các dấu ấn cảm xúc về các tình huống đã trải qua.

Phát triển KNTĐV cho trẻ 5-6 tuổi qua TN cần được nghiên cứu về mặt lí luận và thực tiễn, từ đó đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng tổ chức quá trình này ở trường MN. Để góp phần thực hiện nhiệm vụ đó, bài báo tập trung làm rõ thực trạng phát triển KNTĐV cho trẻ 5-6 tuổi qua TN tại các trường MN trên địa bàn TP. Huế. Bức tranh khái quát về thực trạng được mô tả, phân tích và nhận định trên cơ sở nhận thức của CBQL và GV về quá trình phát triển KNTĐV qua TN trong thực tiễn chăm sóc và giáo dục trẻ MN.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Đối tượng và phương pháp khảo sát

Chúng tôi đã khảo sát 121 GV dạy lớp mẫu giáo (MG) 5-6 tuổi và 41 CBQL tại các trường MN ở TP. Huế. Phương pháp khảo sát chủ yếu là điều tra bằng bảng hỏi với công cụ là bảng hỏi dành cho 02 đối tượng: CBQL và GV dạy các lớp MG 5-6 tuổi. Bảng hỏi được thiết kế gồm câu hỏi đóng đan xen các câu hỏi mở, trong đó câu hỏi đóng có các đáp án cho sẵn biểu hiện ở 5 mức độ được quy thành điểm tương ứng từ 1-5. Ngoài ra, phương pháp phỏng vấn và quan sát cũng được sử dụng để thu thập thông tin, làm sáng tỏ hơn kết quả nghiên cứu thực trạng. Phiếu quan sát và phiếu phỏng vấn được thiết kế để làm công cụ cho hai phương pháp hỗ trợ này.

Số liệu khảo sát chính thức được xử lí bằng phần mềm IBM SPSS 26.0 để tính toán các chỉ số điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC); phân tích one-way Anova về ĐTB theo sự chi đạo của CBQL và trình độ chuyên môn (về nhận thức và thực hành) của GV; phân tích tương quan Pearson. Mức độ ý nghĩa của sự khác biệt được xác định với giá trị  $p < 0,05$ .

### 2.2. Kết quả và phân tích

#### 2.2.1. Sự cần thiết của việc phát triển khả năng tiền đọc viết cho trẻ 5-6 tuổi

Bảng 1. Mức độ cần thiết của việc phát triển KNTĐV cho trẻ 5-6 tuổi

STT	Mức độ cần thiết	GV		CBQL	
		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
1	Hoàn toàn không cần thiết	0	0	0	0
2	Cần thiết	73	60,3	17	41,5
3	Rất cần thiết	48	39,7	24	58,5

Bảng 1 cho thấy, CBQL và GVMN đều đánh giá cao hoạt động phát triển KNTĐV cho trẻ 5-6 tuổi là “rất cần thiết” hoặc “cần thiết”, trong số đó, tỉ lệ đánh giá “rất cần thiết” chiếm đa số. Kết quả này thể hiện nhận thức đúng đắn của CBQL và GV về tầm quan trọng của KNTĐV trong GDMN. Khi được hỏi thêm về ý nghĩa của KNTĐV đối với sự phát triển của trẻ, CBQL và GV cho biết phát triển KNTĐV là một trong nhiệm vụ quan trọng trong giáo dục trẻ ở trường MN, giúp trẻ phát triển toàn diện về và đó là một trong những kỹ năng cần thiết khi chuẩn bị tâm thế cho trẻ vào lớp 1, góp phần tạo nền tảng cho trẻ bước vào bậc học phổ thông.

#### 2.2.2. Ưu thế của hoạt động trải nghiệm đối với việc phát triển khả năng tiền đọc viết cho trẻ 5-6 tuổi

CBQL và GV đánh giá ở mức độ rất cao những ưu thế mà TN mang lại. Về phía trẻ, TN tạo cơ hội cho trẻ được tham gia vào môi trường đọc, viết có tính vận dụng cao. Về phía GV, TN tạo cơ hội để GV áp dụng các biện pháp phát triển KNTĐV cho trẻ. Ngoài ra, theo CBQL và GV, TN luôn thu hút trẻ tham gia tích cực, đây là tiền đề rất quan trọng. Bảng 2 cho thấy rõ hơn ưu thế của TN đối với việc phát triển KNTĐV cho trẻ 5-6 tuổi.

Bảng 2. Ưu thế của TN đối với việc phát triển KNTĐV cho trẻ 5-6 tuổi

STT	Ưu thế	GV		CBQL		P
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	TN là môi trường thuận lợi để phát triển KNTĐV cho trẻ.	4,19	0,537	4,34	0,530	0,120
2	Tạo nhiều cơ hội để GV áp dụng các biện pháp phát triển KNTĐV cho trẻ.	4,24	0,533	4,37	0,488	0,183

(Ghi chú:  $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$ )

#### 2.2.3. Mục tiêu, nhiệm vụ, nguyên tắc phát triển khả năng tiền đọc viết cho trẻ 5-6 tuổi qua trải nghiệm

Bảng 3. Mục tiêu phát triển KNTĐV cho trẻ 5-6 tuổi qua TN

STT	Mục tiêu	GV		CBQL		P
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông...)	4,29	0,554	4,54	0,552	0,015
2	Trẻ biết chọn sách để “đọc” và xem, nhận biết một số cấu tạo của một quyển sách	4,03	0,670	4,34	0,617	0,010

3	Trẻ biết kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân	4,21	0,546	4,29	0,559	0,387
4	Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình	4,34	0,525	4,44	0,550	0,299
5	Trẻ ghép được một số chữ cái đơn giản và đọc được nó. Trẻ “đọc” được một số từ, câu đơn giản, quen thuộc	4,13	0,706	4,34	0,530	0,084
6	Trẻ biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách	4,09	0,645	4,37	0,623	0,019
7	Trẻ ngồi học đúng tư thế, cầm viết đúng cách	4,37	0,519	4,39	0,542	0,847

Số liệu ở bảng 3 cho thấy, đánh giá của CBQL và GV về mức độ cần thiết của các mục tiêu phát triển KNTĐV cho trẻ 5-6 tuổi. Theo bảng số liệu, CBQL và GV đều đánh giá cao các mục tiêu liên quan đến KNTĐV, với ĐTB dao động từ 4,03 đến 4,54 trên thang điểm 5. Điều này cho thấy CBQL và GV đều nhận thức được tầm quan trọng của các mục tiêu phát triển KNTĐV cho trẻ 5-6 tuổi. Số liệu khảo sát đã cho thấy một số khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa CBQL và GV về một số mục tiêu. Cụ thể, CBQL đánh giá cao hơn GV về mức độ cần thiết của các mục tiêu sau: trẻ nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống ( $p$ -value = 0,015), trẻ biết chọn sách để “đọc” và xem ( $p$ -value = 0,010) và trẻ biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách ( $p$ -value = 0,019). Điều này có thể do CBQL có kì vọng cao hơn GV về mức độ phát triển của KNTĐV ở trẻ 5-6 tuổi, hoặc do CBQL có quan điểm rộng hơn GV về khái niệm KNTĐV và các biểu hiện của nó.

Trên cơ sở xác định mục tiêu, CBQL và GV đã chỉ rõ các nhiệm vụ phát triển KNTĐV cho trẻ 5-6 tuổi qua TN như sau:

*Bảng 4. Nhiệm vụ phát triển KNTĐV cho trẻ 5-6 tuổi qua TN*

STT	Nhiệm vụ	GV		CBQL		p
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	Hình thành một số kiến thức và kĩ năng ban đầu cần thiết làm cơ sở cho việc học đọc, học viết cho trẻ khi bước vào lớp 1.	4,30	0,601	4,44	0,502	0,177
2	Giúp trẻ nắm được các quy định trong quá trình đọc, viết: hướng đọc, viết; hướng viết các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu câu.	4,15	0,715	4,27	0,672	0,349
3	Phát triển cho trẻ các kĩ năng nghe, nói, phát âm và khả năng phối hợp vận động nhịp nhàng của tay, mắt.	4,29	0,598	4,46	0,505	0,096
4	Nuôi dưỡng ham muốn biết đọc, biết viết ở trẻ; hình thành ở trẻ sự hứng thú tương tác với môi trường đọc viết xung quanh.	4,26	0,613	4,37	0,581	0,317
5	Giúp trẻ biết kể, đọc truyện theo tranh một cách có diễn cảm và cảm thụ được nội dung cốt truyện.	4,18	0,606	4,39	0,494	0,048
6	Hình thành kĩ năng viết cho trẻ 5-6 tuổi: Ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách, biết tô màu và tạo các chữ cái.	4,37	0,621	4,49	0,506	0,282

Theo bảng số liệu, CBQL và GV đều đánh giá cao các nhiệm vụ liên quan đến KNTĐV, với ĐTB dao động từ 4,15 đến 4,49 trên thang điểm 5. Số liệu của bảng 4 cũng chỉ ra sự khác biệt có ý nghĩa thống kê duy nhất giữa CBQL và GV về một nhiệm vụ. Cụ thể, CBQL đánh giá cao hơn GV về mức độ cần thiết của nhiệm vụ giúp trẻ biết kể, đọc truyện theo tranh một cách có diễn cảm và cảm thụ được nội dung cốt truyện ( $p$ -value = 0,048). Điều này cho thấy CBQL coi trọng vai trò của kĩ năng ngôn ngữ trong việc phát triển KNTĐV ở trẻ 5-6 tuổi. Với GV, nhiệm vụ 1,3,4,6 được đánh giá mức độ quan trọng hơn các nhiệm vụ 2,5. Nhận thức này là hoàn toàn phù hợp, bởi khi phỏng vấn GV về việc: vì sao xác định đó là một trong những nhiệm vụ quan trọng hơn các nhiệm vụ 2,5 thì GV đều cho rằng nhiệm vụ 2,5 trong quá trình tổ chức có thể được lồng ghép vào nhiều hoạt động khác nhau, đặc biệt là nhiệm vụ 5 nghiêng về các hoạt động làm quen với văn học.

Phát triển KNTĐV cho trẻ 5-6 tuổi qua TN cũng cần tuân theo các nguyên tắc nhất định và mức độ thực hiện các nguyên tắc này thể hiện ở bảng 5.

*Bảng 5. Nguyên tắc phát triển KNTĐV cho trẻ 5-6 tuổi qua TN*

STT	Nguyên tắc	Mức độ triển khai/ Chỉ đạo				p
		GV (N=121)		CBQL (N=41)		
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	Xây dựng kế hoạch TN phù hợp với sự phát triển KNTĐV của trẻ.	3,95	0,561	4,20	0,459	0,013
2	Xây dựng môi trường cho trẻ TN đảm bảo an toàn, thu hút sự chú ý của trẻ, tạo cho trẻ mong muốn được hoạt động, được thực hành các kĩ năng đọc viết.	4,02	0,584	4,29	0,461	0,008

3	Phối hợp các phương pháp hợp lý, tăng cường tính chủ động, tích cực hoạt động của trẻ, đảm bảo trẻ “học mà chơi, chơi mà học”, tạo cơ hội cho trẻ bộc lộ hết khả năng của mình, mạnh dạn trao đổi, giao tiếp, phát triển KNTĐV cho trẻ.	4,05	0,514	4,27	0,449	0,016
4	Đánh giá, động viên sự tham gia của trẻ để có những tác động phù hợp.	4,05	0,590	4,29	0,461	0,017

Số liệu bảng 5 cho thấy mức độ thực hiện các nguyên tắc tổ chức TN để phát triển KNTĐV cho trẻ 5-6 tuổi của GV và mức độ chỉ đạo các nguyên tắc này của CBQL ở mức độ cao, với ĐTB dao động từ 3,95 đến 4,29 trên thang điểm 5. Điều này cho thấy CBQL và GV có sự chuẩn bị và tổ chức tốt các TN để phát triển KNTĐV cho trẻ 5-6 tuổi. Trong bốn nguyên tắc phát triển KNTĐV cho trẻ 5-6 tuổi qua TN, nguyên tắc “đánh giá, động viên sự tham gia của trẻ để có những tác động phù hợp” được GV thực hiện thường xuyên nhất. Bảng số liệu cũng cho thấy rằng một số khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa CBQL và GV về tất cả các nguyên tắc. Cụ thể, CBQL chỉ đạo cao hơn GV về mức độ thực hiện của các nguyên tắc sau: xây dựng kế hoạch TN phù hợp với sự phát triển KNTĐV của trẻ ( $p$ -value = 0,013); xây dựng môi trường cho trẻ TN đảm bảo an toàn, thu hút sự chú ý của trẻ, tạo cho trẻ mong muốn được hoạt động, được thực hành các kỹ năng đọc viết ( $p$ -value = 0,008); phối hợp các phương pháp hợp lý, tăng cường tính chủ động, tích cực hoạt động của trẻ, đảm bảo trẻ “học mà chơi, chơi mà học”, tạo cơ hội cho trẻ bộc lộ hết khả năng của mình, mạnh dạn trao đổi, giao tiếp, phát triển KNTĐV cho trẻ ( $p$ -value = 0,016) và đánh giá, động viên sự tham gia của trẻ để có những tác động phù hợp ( $p$ -value = 0,017).

#### 2.2.4. Nội dung, phương pháp, hình thức phát triển khả năng tiền đọc viết cho trẻ 5-6 tuổi qua trải nghiệm

Bảng 6. Nội dung phát triển KNTĐV cho trẻ 5-6 tuổi qua TN

STT	Chủ đề	GV (N=121)		CBQL (N=41)		P
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	Trường MN	3,83	0,624	4,05	0,773	0,076
2	Bản thân	3,86	0,567	4,12	0,748	0,020
3	Gia đình	3,85	0,587	4,17	0,704	0,005
4	Nghề nghiệp	3,88	0,608	4,20	0,715	0,008
5	Động vật	3,93	0,655	4,15	0,727	0,083
6	Thực vật	3,96	0,624	4,20	0,715	0,045
7	Phương tiện giao thông	3,93	0,574	4,17	0,667	0,030
8	Nước và hiện tượng tự nhiên	3,91	0,577	4,15	0,727	0,035
9	Quê hương - Đất nước - Bác Hồ	3,98	0,555	4,20	0,749	0,047

Ghi chú:  $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$

Kết quả khảo sát trên cho thấy, tất cả các chủ đề đều được triển khai thành nội dung để thực hiện nhiệm vụ phát triển KNTĐV qua TN cho trẻ 5-6 tuổi. Theo bảng số liệu, GV và CBQL đều thực hiện và chỉ đạo các chủ đề TN ở mức độ cao, với ĐTB dao động từ 3,83 đến 4,20 trên thang điểm 5. Điều này cho thấy GV và CBQL có sự chuẩn bị và tổ chức tốt các chủ đề TN để phát triển KNTĐV cho trẻ 5-6 tuổi. Kiểm định One-Way Anova không cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở tất cả chủ đề ( $p < 0,05$ ). Kết quả so sánh cũng chứng minh rằng, các trường MN trên địa bàn TP. Huế đã bám sát định hướng nội dung giáo dục trong chương trình GDMN và dựa vào thực tế của nhà trường để tổ chức TN.

Số liệu cũng chỉ ra một số khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa GV và CBQL về một số chủ đề. Cụ thể, CBQL chỉ đạo cao hơn GV về mức độ thực hiện của các chủ đề sau: gia đình ( $p$ -value = 0,005), nghề nghiệp ( $p$ -value = 0,008), thực vật ( $p$ -value = 0,045), phương tiện giao thông ( $p$ -value = 0,030), nước và hiện tượng tự nhiên ( $p$ -value = 0,035) và quê hương - Đất nước - Bác Hồ ( $p$ -value = 0,047). Điều này có thể do CBQL có yêu cầu cao hơn GV về chất lượng và hiệu quả của các chủ đề TN.

Bên cạnh việc lựa chọn nội dung, GV cần sử dụng phương pháp phù hợp. Khảo sát mức độ chỉ đạo/sử dụng các phương pháp phát triển KNTĐV qua TN cho trẻ của CBQL và GV thu được kết quả sau:

Bảng 7. Phương pháp phát triển KNTĐV cho trẻ 5-6 tuổi qua TN

STT	Phương pháp	Mức độ triển khai				P
		GV (N=121)		CBQL (N=41)		
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	Phương pháp dùng lời nói	4,06	0,596	4,20	0,749	0,235
2	Phương pháp trò chơi	4,14	0,596	4,27	0,449	0,211
3	Phương pháp thực hành TN	3,99	0,626	4,24	0,435	0,018

4	Phương pháp nêu tình huống có vấn đề	3,69	0,669	4,02	0,474	0,004
5	Phương pháp trực quan	3,99	0,570	4,32	0,521	0,002
6	Phương pháp thảo luận nhóm	3,84	0,646	4,10	0,436	0,020

Theo số liệu ở bảng 7, CBQL chỉ đạo và GV đều triển khai các phương pháp dạy học ở mức độ cao, với điểm ĐTB dao động từ 3,69 đến 4,32 trên thang điểm 5. Điều này cho thấy CBQL và GV có sự sáng tạo và linh hoạt trong việc sử dụng các phương pháp dạy học để phát triển KNTĐV cho trẻ 5-6 tuổi. Tuy nhiên, số liệu cũng chỉ ra một số khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa CBQL và GV về một số phương pháp. Cụ thể, CBQL chỉ đạo cao hơn GV về mức độ sử dụng của các phương pháp sau: phương pháp thực hành TN (p-value = 0,018), phương pháp nêu tình huống có vấn đề (p-value = 0,004), phương pháp trực quan (p-value = 0,002) và phương pháp thảo luận nhóm (p-value = 0,020).

GV đã sử dụng phối hợp nhiều phương pháp để thực hiện hoạt động KNTĐV cho trẻ 5-6 tuổi qua TN ở mức độ thường xuyên. Phân tích ANOVA cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trong mức độ sử dụng các phương pháp này. GV sử dụng “rất thường xuyên” phương pháp dùng lời nói, trò chơi và ít sử dụng hơn là phương pháp nêu tình huống có vấn đề, thảo luận nhóm, thực hành TN và trực quan. Việc sử dụng các phương pháp phụ thuộc vào từng hoạt động và khả năng, ý tưởng của GV cũng như mức độ phát triển của trẻ.

#### 2.2.5. Thuận lợi và khó khăn trong việc phát triển kỹ năng tiền đọc viết cho trẻ 5-6 tuổi qua trải nghiệm

Bảng 8. Thuận lợi trong quá trình phát triển KNTĐV cho trẻ 5-6 tuổi qua TN

STT	Thuận lợi	Mức độ				p
		GV (N=121)		CBQL (N=41)		
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	Trẻ tích cực và hứng thú tham gia các hoạt động	3,92	0,614	4,20	0,558	0,011
2	GV được linh hoạt, chủ động, sáng tạo trong lập kế hoạch, xây dựng môi trường phù hợp khả năng của trẻ và tình hình địa phương	3,89	0,630	4,17	0,543	0,013
3	Kỹ năng tổ chức TN của GV tốt	3,81	0,582	4,15	0,527	0,001
4	GV có kiến thức, hiểu biết nhiều về phát triển KNTĐV cho trẻ	3,84	0,548	4,20	0,558	0,001
5	Sự quan tâm, hỗ trợ của đồng nghiệp	3,97	0,515	4,29	0,559	0,001
6	Sự quan tâm, phối hợp của phụ huynh	3,73	0,683	4,22	0,613	0,000
7	Môi trường hoạt động phong phú, đa dạng	3,88	0,635	4,22	0,525	0,003

Số liệu ở bảng 8 chỉ ra mức độ thuận lợi trong chỉ đạo và tổ chức phát triển KNTĐV cho trẻ 5-6 tuổi qua TN của CBQL và GV. Theo bảng số liệu, CBQL và GV đều nhận thấy nhiều thuận lợi trong việc chỉ đạo và tổ chức phát triển KNTĐV cho trẻ 5-6 tuổi, với ĐTB dao động từ 3,73 đến 4,29 trên thang điểm 5. Điều này cho thấy CBQL và GV có sự hài lòng và tự tin về công tác phát triển KNTĐV cho trẻ 5-6 tuổi.

Bảng số liệu trên cũng cho thấy một số khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa CBQL và GV về tất cả các thuận lợi. Cụ thể, CBQL nhận thấy cao hơn GV về mức độ thuận lợi của các yếu tố sau: trẻ tích cực và hứng thú tham gia các hoạt động (p-value = 0,011); GV được linh hoạt, chủ động, sáng tạo trong lập kế hoạch, xây dựng môi trường phù hợp khả năng của trẻ và tình hình địa phương (p-value = 0,013); kỹ năng tổ chức TN của GV tốt (p-value = 0,001); GV có kiến thức, hiểu biết nhiều về phát triển KNTĐV cho trẻ (p-value = 0,001); có sự quan tâm, hỗ trợ của đồng nghiệp (p-value = 0,001), có sự quan tâm, phối hợp của phụ huynh (p-value = 0,000); môi trường hoạt động phong phú, đa dạng (p-value = 0,003).

Bảng 9. Khó khăn trong quá trình phát triển KNTĐV cho trẻ 5-6 tuổi qua TN

STT	Khó khăn	Mức độ				p
		GV (N=121)		CBQL (N=41)		
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	Thời gian dành cho hoạt động chưa được linh hoạt	3,21	0,733	2,98	1,129	0,121
2	Môi trường hoạt động hạn chế	3,07	0,858	2,73	1,205	0,049
3	Sự hợp tác của phụ huynh còn ít	3,32	0,896	3,29	1,006	0,860
4	Kiến thức về phát triển KNTĐV cho trẻ của GV còn hạn chế	2,98	0,935	2,85	1,195	0,505
5	Kỹ năng tổ chức TN của GV hạn chế	2,84	0,904	2,66	1,217	0,305
6	Số lượng trẻ trong lớp quá đông	3,26	0,892	3,05	1,139	0,216

Kết quả bảng 9 cho thấy mức độ khó khăn trong chỉ đạo và tổ chức phát triển KNTĐV cho trẻ 5-6 tuổi qua TN của CBQL và GV. Theo đó, CBQL và GV đều gặp một số khó khăn trong việc chỉ đạo và tổ chức phát triển KNTĐV

cho trẻ 5-6 tuổi, với ĐTB dao động từ 2,66 đến 3,32 trên thang điểm 5. Điều này cho thấy CBQL và GV cần được hỗ trợ và giải quyết các khó khăn để nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác phát triển KNTĐV cho trẻ 5-6 tuổi.

Phân tích ANOVA giữa hai nhóm khách thể CBQL và GV chỉ tìm ra một khác biệt có ý nghĩa thống kê duy nhất giữa CBQL và GV về một khó khăn. Cụ thể, CBQL gặp ít khó khăn hơn GV về môi trường hoạt động hạn chế ( $p$ -value = 0.049). Điều này có thể do CBQL có quyền quyết định và sắp xếp môi trường hoạt động phù hợp với các TN hoặc do CBQL không phải trực tiếp tổ chức TN cho trẻ 5-6 tuổi nên không cảm nhận được sự hạn chế của môi trường hoạt động.

Thuận lợi nhất của đối với GV là có sự quan tâm, hỗ trợ của đồng nghiệp. Trẻ tích cực và hứng thú tham gia các hoạt động cũng là một yếu tố “rất thuận lợi”. Những yếu tố còn lại ở mức độ “thuận lợi”. Với những thuận lợi có được, GV dễ dàng hơn trong việc phát triển KNTĐV cho trẻ 5-6 tuổi qua TN. Khó khăn lớn nhất với GV là kỹ năng tổ chức TN, kiến thức về phát triển KNTĐV cho trẻ và môi trường hoạt động của GV còn hạn chế; số lượng trẻ trong lớp quá đông. Hơn thế nữa, trong các hoạt động thường ngày ở trường MN chưa chú trọng đến việc nâng cao vai trò của phụ huynh, đưa ra cách thức phối hợp cùng phụ huynh tổ chức hoạt động cho trẻ. Vì thế, cơ hội đóng góp của phụ huynh cho việc phát triển KNTĐV cho trẻ 5-6 tuổi rất hạn chế.

Để phát huy những thuận lợi, khắc phục những khó khăn cũng như nâng cao hiệu quả phát triển KNTĐV cho trẻ 5-6 tuổi qua TN, CBQL và GV có những đề xuất: (1) Đối với các cấp quản lí: Cần có những hướng dẫn cụ thể đi kèm với công văn chỉ đạo; tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho CBQL và GV về chuyên đề về phát triển KNTĐV qua TN; cung cấp đầy đủ tài liệu tham khảo để GV hiểu sâu hơn vấn đề và học hỏi tổ chức các hoạt động; đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng môi trường hoạt động tốt hơn, nhất là các phòng học; giảm sĩ số trẻ/lớp để tạo điều kiện bao quát và quản lí trẻ tốt hơn; (2) Đối với GV: Tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tổ chức tốt các TN để phát triển KNTĐV cho trẻ 5-6 tuổi; chủ động, linh hoạt xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện hoạt động; tăng cường xây dựng môi trường hoạt động; (3) Đối với gia đình: phụ huynh cần có sự quan tâm, phối hợp với nhà trường trong tổ chức các hoạt động phát triển KNTĐV cho trẻ; (4) Đối với cộng đồng: Cần tạo điều kiện để tổ chức các TN cho trẻ tại các địa điểm ở TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

### 3. Kết luận

Từ thực trạng khảo sát, chúng ta có thể nhận thấy những ưu điểm và hạn chế cơ bản của thực trạng, làm cơ sở để đưa ra những cách thức tác động phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả phát triển KNTĐV cho trẻ 5-6 tuổi qua TN ở các trường MN trên địa bàn TP. Huế. Những tác động đó cần tập trung vào việc nâng cao nhận thức của GV về KNTĐV, TN, quá trình phát triển KNTĐV cho trẻ 5-6 tuổi qua TN; tăng cường sử dụng các phương pháp nêu tình huống có vấn đề, thảo luận nhóm, thực hành TN và trực quan; sử dụng nhiều hơn những tình huống ở các chủ đề khác nhau để trẻ TN và có cơ hội phát triển KNTĐV; đẩy mạnh sự tham gia của phụ huynh trong tổ chức các TN cho trẻ và chia sẻ cùng trẻ; xây dựng môi trường mang tính TN để thu hút, kích thích trẻ hoạt động. Để làm tốt nhiệm vụ của mình, GVMN trên địa bàn TP. Huế cần nhận được sự chỉ đạo trực tiếp của CBQL các cấp, sự kết nối chặt chẽ với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường. Mỗi nhân tố đều có đóng góp tích cực đến việc phát triển KNTĐV cho trẻ 5-6 tuổi qua TN nói riêng và sự phát triển toàn diện trẻ MN nói chung.

### Tài liệu tham khảo

- Barratt-Pugh, C., & Rohl, M. (2001). *Literacy learning in the early years*. Routledge eBooks. <https://doi.org/10.4324/9781003116325>
- Bộ GD-ĐT (2021). *Chương trình Giáo dục mầm non* (ban hành kèm theo Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021).
- Dewey, J. (1990). *The School and Society*. The University of Chicago.
- Hoàng Thị Phương (chủ biên), Lê Thị Bắc Lý, Bùi Thị Lâm, Nguyễn Mạnh Tuấn, Nguyễn Thị Mỹ Dung, Vũ Thanh Vân (2018). *Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non*. NXB Đại học Sư phạm.
- Nguyễn Thị Hải Thanh (2017). Phát triển khả năng tiền đọc, viết qua hoạt động trải nghiệm với sách. *Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 12*, 46-48; 132.
- Nguyễn Thị Thu Hà (2021). Phát triển hứng thú “đọc” nhằm rèn luyện khả năng tiền đọc viết cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sài Gòn*, 76, 67-74.
- Quốc hội (2019). *Luật Giáo dục*. Luật số 43/2019/QH14, ban hành ngày 14/6/2019.